

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
góp vốn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Châu Thị Minh Thê

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám - Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp vốn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HPT ngày 16 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bị đơn: Công ty C (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Thanh M, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa, Nguyên đơn là ông Trần Văn S trình bày: Vào ngày 05-4-2011 ông có gửi 388.000.000đ (ba trăm tám

mười tám triệu đồng) vào Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty) với hình thức huy động vốn của Công ty, số sổ huy động vốn 732, không thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn, Công ty chỉ thỏa thuận bên ngoài là khi nào khách hàng cần rút tiền thì báo cho Công ty trước một ngày Công ty sẽ trả lại tiền cho khách hàng, thủ tục rút và gửi nhanh gọn, hơn nữa ông và ông L là chỗ quen biết nên ông tin tưởng gửi tiền vào Công ty. Hình thức góp vốn vào Công ty nhưng thực ra là cho Công ty vay tiền và hàng tháng nhận tiền lãi chứ không phụ thuộc vào việc Công ty làm ăn có lợi nhuận hay không. Lãi suất cũng chỉ bằng lãi suất tiền gửi vào Ngân hàng cộng thêm 1%, hàng tháng ông đến Công ty nhận tiền lãi và ký nhận trực tiếp tại Công ty chứ ông cũng không biết Công ty trả lãi cho ông bao nhiêu phần trăm vì ông nhận tiền xong cũng đã tiêu hết. Công ty đã trả lãi đầy đủ cho ông đến hết tháng 8 năm 2015, từ ngày 01-9-2015 Công ty không trả tiền lãi cho ông nữa, trong quá trình gửi tiền thỉnh thoảng ông cũng có rút ra và lại gửi vào, cụ thể như sau, ngày 05-7-2011 ông rút 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), như vậy số tiền ông còn gửi tại Công ty là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), sau đó ngày 12-9-2011 ông gửi 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), ngày 06-9-2012 ông gửi 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), ngày 14-01-2013 ông gửi 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và ngày 08-5-2013 ông gửi tiếp 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Tổng cộng tất cả 05 (năm) lần ông gửi tiền vào Công ty là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng). Sau đó ngày 23-01-2015 Công ty trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ngày 24-7-2015 Công ty trả 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), ngày 23-11-2015 Công ty trả 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngày 28-01-2016 Công ty trả 8.755.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ngày 04-4-2016 Công ty trả 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), ngày 04-10-2016 Công ty trả 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), ngày 07-7-2017 Công ty trả 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), ngày 07-9-2017 Công ty trả 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), ngày 17-10-2017 Công ty trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 20-12-2017 Công ty trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 13-02-2018 Công ty trả 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), ngày 23-4-2018 Công ty trả 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), ngày 05-9-2018 Công ty trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 30-11-2018 Công ty trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ngày 28-12-2018 Công ty trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 28-01-2019 Công ty trả 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và ngày 28-8-2019 Công ty trả 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Như vậy qua nhiều lần Công ty đã trả cho ông được số tiền là 656.755.000đ (sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Hiện Công ty còn nợ ông số tiền gốc là 243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Nay ông yêu cầu Công ty hoàn trả cho ông số tiền gốc trên và tiền lãi theo lãi suất 6%/01 năm từ ngày 01-9-2015 đến nay, cụ thể tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01-9-2015 đến ngày 23-11-2015 là 83 ngày, với số tiền 855.000.000đ (tám trăm năm mươi lăm triệu đồng) tiền lãi là 11.827.500đ (mười một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn

năm trăm đồng); từ ngày 24-11-2015 đến ngày 28-01-2016 là 65 ngày, với số tiền 845.000.000đ (tám trăm bốn mươi lăm triệu đồng) tiền lãi là 9.154.167đ (chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng); từ ngày 29-01-2016 đến ngày 04-4-2016 là 65 ngày, với số tiền 836.245.000đ (tám trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi là 9.059.321đ (chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn ba trăm hai mươi một đồng); từ ngày 05-4-2016 đến ngày 04-10-2016 là 180 ngày, với số tiền 796.245.000đ (bảy trăm chín mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 23.887.350đ (hai mươi ba triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng); từ ngày 05-10-2016 đến ngày 07-7-2017 là 273 ngày, với số tiền 756.245.000đ (bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 34.409.148 (ba mươi bốn triệu bốn trăm lẻ chín nghìn một trăm bốn mươi tám đồng); từ ngày 08-7-2017 đến ngày 07-9-2017 là 60 ngày, với số tiền 718.245.000đ (bảy trăm mười tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 7.182.450đ (bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng); từ ngày 08-9-2017 đến ngày 17-10-2017 là 39 ngày, với số tiền là 678.245.000đ (sáu trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 4.408.593đ (bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn năm trăm chín mươi ba đồng); từ ngày 18-10-2017 đến ngày 20-12-2017 là 63 ngày, với số tiền là 648.245.000đ (sáu trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 6.806.573đ (sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng); từ ngày 21-12-2017 đến ngày 13-02-2018 là 24 ngày, với số tiền là 618.245.000đ (sáu trăm mười tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 2.472.980đ (hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm tám mươi đồng); từ ngày 14-02-2018 đến ngày 23-4-2018 là 64 ngày, với số tiền là 548.245.000đ (năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 5.847.947đ (năm triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng); từ ngày 24-4-2018 đến ngày 05-9-2018 là 131 ngày, với số tiền là 388.245.000đ (ba trăm tám mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 8.476.683đ (tám triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng); từ ngày 06-9-2018 đến ngày 30-11-2018 là 85 ngày, với số tiền là 358.245.000đ (ba trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 5.075.138đ (năm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm ba mươi tám đồng); từ ngày 01-12-2018 đến ngày 28-12-2018 là 28 ngày, với số tiền là 338.245.000đ (ba trăm ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 1.578.477đ (một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng); từ ngày 29-12-2018 đến ngày 28-01-2019 là 30 ngày, với số tiền là 308.245.000đ (ba trăm lẻ tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 1.541.225đ (một triệu năm trăm bốn mươi một nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng); từ ngày 29-01-2019 đến ngày 28-8-2019 là 210 ngày, với số tiền là 268.245.000đ (hai trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tiền lãi là 9.388.575đ (chín triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng); từ ngày 29-8-2019 đến ngày 25-10-2019 với số tiền là

243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng), tiền lãi là 2.310.828đ (hai triệu ba trăm mười nghìn tám trăm hai mươi tám đồng). Như vậy, tiền lãi tính đến ngày 25-10-2019 là 143.426.955đ (một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 386.671.955đ (ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Nay ông yêu cầu Công ty C hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Thanh M ủy quyền cho ông Trần Văn S trình bày: Toàn bộ số tiền mà ông S cho Công ty C vay trên là tài sản của vợ chồng nhưng do một mình ông S đứng ra cho Công ty vay nên nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trả lại số tiền còn thiếu trên cho ông Trần Văn S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa xét xử diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng phía nguyên đơn đã cho bị đơn vay tiền bằng hình thức huy động vốn không phụ thuộc vào lợi nhuận kinh doanh của bị đơn, hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất nhưng trong suốt quá trình thực hiện thì nguyên đơn cũng thỉnh thoảng rút tiền ra bất kỳ khi nào, bị đơn đã trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn đến hết tháng 8 năm 2015. Từ tháng 9 năm 2015 bị đơn không trả lãi cho nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25-10-2019 là 143.426.955đ (một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 386.671.955đ (ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S, buộc Công ty C hoàn trả số tiền gốc và lãi trên cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về Hợp đồng góp vốn”, bị đơn có địa chỉ tại Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty C đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng Công ty C vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trên theo quy định tại Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty C.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S yêu cầu Công ty C hoàn trả cho ông số tiền gốc là 243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25-10-2019 là 143.426.955đ (một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 386.671.955đ (ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) thì thấy, ngày 05-4-2011 ông Trần Văn S có gửi tiền vào Công ty C bằng hình thức huy động vốn với sổ huy động vốn số 732, hình thức là huy động vốn nhưng trên thực tế là cho Công ty vay tiền và Công ty sẽ trả lãi hàng tháng, mặc dù trên giấy tờ không thể hiện thời hạn trả gốc và lãi cũng như lãi suất nhưng hàng tháng Công ty đều trả tiền lãi đầy đủ cho ông S và ông S cũng nhiều lần gửi tiền thêm vào Công ty và rút ra cho đến tháng 9 năm 2015 Công ty không trả tiền lãi cho ông S. Tính đến ngày 07-5-2013 ông S đã gửi vào Công ty tổng cộng 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng), điều này được thể hiện qua các Phiếu thu của Công ty C, cụ thể ngày 05-4-2011 vay huy động theo sổ 732 là 388.000.000đ (ba trăm tám mươi tám triệu đồng); ngày 12-9-2011 là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), ngày 06-9-2012 là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), ngày 14-01-2013 là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và ngày 07-5-2013 là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Sau đó Công ty có trả lại một số tiền cho ông S nên Công ty có giấy xác nhận cho ông S tính đến ngày 31-5-2016 Công ty còn nợ ông S số tiền vốn góp là 796.245.000đ (bảy trăm chín mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và đã trả tiền lãi đến hết tháng 8 năm 2015. Do đó có cơ sở xác định ông Trần Văn S đã gửi tiền vào Công ty C nên Công ty đã có Giấy xác nhận số dư tiền gửi (Sổ 732) cho ông S. Từ đó đến nay Công ty tiếp tục hoàn trả tiền vốn cho ông S nhiều lần, tính đến ngày 28/8/2019 Công ty đã trả cho ông S được 656.755.000đ (sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng), hiện Công ty còn nợ ông S số tiền vốn là 243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Đối với yêu cầu tính tiền lãi, mặc dù trong Sổ huy

động vốn không thỏa thuận về lãi suất nhưng trên thực tế Công ty vẫn trả tiền lãi cho khách hàng, điều này được chứng minh qua các lời trình bày của ông Sỹ cũng như các Biên bản họp giữa Công ty với khách hàng vào ngày 14-9-2015, ngày 18-3-2016 đều xác định sẽ trả vốn và lãi cho khách hàng nhưng ưu tiên trả vốn trước. Nay ông Trần Văn S yêu cầu Công ty trả tiền lãi với lãi suất 6%/01 năm đối với số tiền vốn mà công ty nợ ông là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S. Buộc Công ty C hoàn trả cho ông Trần Văn S số tiền vốn góp là 243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25-10-2019 là 143.426.955đ (một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 386.671.955đ (ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: $386.671.955đ \times 5\% = 19.333.597đ$ (mười chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng).

Công ty C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 178; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S. Buộc Công ty C hoàn trả cho ông S số tiền vốn góp là 243.245.000đ (hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 25-10-2019 là 143.426.955đ (một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng), tổng cộng cả tiền vốn góp và lãi là 386.671.955đ (ba trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán thêm cho người được thi hành án số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty C phải chịu 19.333.597đ (mười chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng).

Ông Trần Văn S được nhận lại 11.400.000đ (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007136 ngày 04-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS T.P Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

